

Số: 092/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Nam Định
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định tại Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 3630/BC-HĐTĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh và Báo cáo số 125/BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. TÊN, PHẠM VI, THỜI KỲ QUY HOẠCH

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi quy hoạch:

a) Phần lãnh thổ đất liền

Phạm vi lập quy hoạch đối với phần lãnh thổ đất liền là 1.668,5 km², được giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp vịnh Bắc Bộ;
- Phía Bắc giáp tỉnh Thái Bình;
- Phía Tây Bắc giáp tỉnh Hà Nam;
- Phía Nam giáp tỉnh Ninh Bình.

Tỉnh Nam Định có tọa độ địa lý từ 19°54' đến 20°40' vĩ độ Bắc; từ 105°55' đến 106°45' kinh độ Đông.

b) Phần không gian biển: Được xác định trên cơ sở Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012; Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”.

3. Thời kỳ lập quy hoạch:

- Thời kỳ quy hoạch: 2021 - 2030.
- Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050.

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH

1. Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng, nội dung của Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; Định hướng của Đảng về phát triển Việt Nam đến năm 2045; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm thời kỳ 2021 - 2030; Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng, các quy hoạch ngành quốc gia, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành và các quy hoạch đã được phê duyệt liên quan đến địa bàn tỉnh; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên.

2. Đảm bảo tính nhân dân, liên tục, ổn định và kế thừa các nội dung quy hoạch giai đoạn trước còn phù hợp; tuân thủ thứ bậc, tương thích trong hệ thống quy hoạch quốc gia; tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, các địa phương trong tỉnh vừa đáp ứng các nhu cầu trong hiện tại, vừa tạo nền tảng phát triển cho các thời kỳ tiếp theo, hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân; tính khả thi, khoa học, khách quan, công khai, minh bạch; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Đánh giá đầy đủ các điều kiện, yếu tố và dự báo xu hướng, bối cảnh, tình hình quốc tế, khu vực, trong nước tác động đến phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch; đánh giá khả năng khai thác liên kết vùng, hợp tác các địa phương trong cả nước, trước hết là kết nối giữa tỉnh Nam Định với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Thủ đô, nhất là kết nối hạ tầng liên vùng, cùng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các cân đối thị trường hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

4. Xây dựng quan điểm, thiết lập tầm nhìn và xác định mục tiêu, định hướng, không gian phát triển trong từng thời kỳ quy hoạch để phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh Nam Định so với các tỉnh lân cận và trong khu vực.

5. Đáp ứng được các yêu cầu của tỉnh về hợp tác, thu hút đầu tư phát triển kinh tế; yêu cầu phát triển của các ngành quan trọng; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; đảm bảo an sinh xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng tinh thần của nhân dân. Quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; giữ gìn bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường củng cố quốc phòng an ninh, giữ ổn định an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

6. Đảm bảo tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch tại Điều 4 Luật Quy hoạch năm 2017.

III. MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH

1. Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý toàn diện, thống nhất trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hội nhập, đối ngoại trên địa bàn tỉnh; là căn cứ để hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch đầu tư và kiến tạo động lực phát triển sản xuất, kinh doanh, an sinh xã hội, an ninh, an toàn, văn minh; phấn đấu đến năm 2030 Nam Định là tỉnh có các ngành công nghiệp chủ yếu phát triển theo hướng hiện đại, môi trường sống hiện đại văn minh, có thu nhập bình quân đầu người cao hơn so với bình quân chung của cả nước.

2. Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt

động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

IV. NỘI DUNG LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về nội dung lập quy hoạch

a) Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

b) Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

c) Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh.

d) Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

2. Xác định các nội dung chính của quy hoạch

Nội dung Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Nam Định;

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn tỉnh Nam Định;

c) Đánh giá về việc thực hiện quy hoạch thời kỳ trước;

d) Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh:

- Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh;
- Xác định phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh;
- Xây dựng và lựa chọn các phương án:

- + Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;
- + Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017);
- + Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo đúng quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017);
- + Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;
- + Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
- + Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;
- + Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh;
- + Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;
- + Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;
- + Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;
- + Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Các nội dung đề xuất nghiên cứu

Đối với các nội dung đề xuất nghiên cứu để tích hợp vào quy hoạch tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, phải đảm bảo cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn, nhu cầu phát triển, yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

V. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về phương pháp lập quy hoạch

Hệ thống các phương pháp lập quy hoạch phải đảm bảo tính tiếp cận tổng hợp, khoa học, phù hợp với thực tiễn, đa chiều, đa lĩnh vực và ứng dụng công nghệ hiện đại.

2. Các phương pháp lập quy hoạch

- Tích hợp quy hoạch;
- So sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống bản đồ địa lý (GIS);

- Dự báo phát triển và quy hoạch chiến lược;
- Phân tích hệ thống, đánh giá tổng hợp, so sánh, mô hình tối ưu;
- Chuyên gia, hội nghị, hội thảo;
- Tiếp cận từ thực địa;
- Nghiên cứu tại bàn;
- Một số phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật và tính đặc thù của tỉnh Nam Định.

VI. THÀNH PHẦN HỒ SƠ, CHI PHÍ VÀ TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH

1. Thành phần hồ sơ

a) Phần văn bản:

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định;
- Báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Nam Định gồm Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt và các báo cáo liên quan; các phụ lục, sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch tỉnh;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường);
- Các tài liệu và văn bản pháp lý liên quan khác.

b) Hệ thống bản đồ và sơ đồ

Danh mục và tỷ lệ bản đồ quy hoạch tỉnh quy định tại Mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, gồm:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Nam Định trong vùng và cả nước.
- Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:
- + Các bản đồ về hiện trạng phát triển.
- + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng.
- + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn.
- + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng.
- + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.
- + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

- + Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất.
- + Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên.
- + Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.
- + Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện, vùng liên huyện.
- + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
- + Bản đồ chuyên đề khác (nếu có).
- Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000: Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển khu vực trọng điểm của tỉnh (nếu có).

c) Cơ sở dữ liệu quy hoạch (đĩa CD).

2. Chi phí lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Thời hạn lập quy hoạch: Không quá 24 tháng kể từ ngày nhiệm vụ lập Quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch 2017 và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch 2017 và quy định pháp luật liên quan.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành, cơ quan liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định triển khai thực hiện lập quy hoạch đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

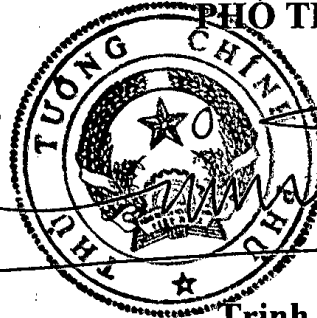
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nam Định;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, thư ký TTgCP, và các PTTgCP; các Vụ, Cục, TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, QHĐP (3). 12

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng